

Kinh nghiệm của Trung Quốc ở một số lĩnh vực chủ yếu (phần 1)

1. Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn

Trung Quốc cam kết giảm hàng rào thuế quan trung bình đối với hàng nông sản từ mức 21,3% năm 2000 xuống 18,5% năm 2002 và giảm dần xuống còn 15,5% năm 2006. Đến năm 2008, mức thuế này giảm còn 15,1%. Trung Quốc cam kết bãi bỏ trợ cấp hàng nông sản xuất khẩu từ thời điểm gia nhập; chỉ hỗ trợ dưới dạng "hộp xanh", tức hỗ trợ thông thường trong toàn bộ ngành nông nghiệp và hỗ trợ sản phẩm đặc biệt ở mức 8,5% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp.

Đặc điểm của nông nghiệp Trung Quốc là tài nguyên đất đai ít, qui mô sản xuất nông nghiệp nhỏ; vì vậy, khó nâng cao sức cạnh tranh. Tỷ lệ đất bình quân là 0,5 ha/hộ. Trong khi Mỹ, EU, Canada là 100 – 500 ha/hộ. Xuất khẩu nông sản Trung Quốc ra nước ngoài gặp nhiều bất lợi, chủ yếu là do chế độ bảo hộ của nước ngoài, bao gồm cả hàng rào kỹ thuật. Mức độ trợ cấp của Trung Quốc thấp (Mỹ bình quân 14.000 \$, EU 17.000 \$, Nhật 23.000 \$). Thu nhập nông dân Trung Quốc là 370 – 380\$/năm.

Kết quả phát triển nông nghiệp Trung Quốc trong 5 năm quá độ:

Nhìn chung, sau 5 năm gia nhập WTO, sản lượng nông nghiệp không giảm, giá nông sản phẩm không giảm, thu nhập của nông dân không giảm, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu tăng mạnh, hạn ngạch thuế quan đối với sản phẩm nông nghiệp chưa sử dụng hết; tình trạng nhập khẩu ồ ạt nông sản đã không diễn ra. Theo Ủy ban Cải cách và Phát triển, một số kết quả 5 năm gia nhập WTO như sau:

- *Tăng trưởng xuất khẩu các nông sản có lợi thế so sánh:* Sản xuất rau quả và thịt tăng nhanh. Từ nhiều năm đã là một trong những nước sản xuất lớn nhất cho các mặt hàng như thịt heo (46% sản lượng thế giới), bông sợi (24%), trà (23%). Trung Quốc đã chiếm vị trí hàng đầu đối với lê (70%), táo (48%), đào (32%), cà chua (30%). Trong năm 2003, trị giá xuất khẩu rau đã tăng 43% và quả 80%. Trung Quốc hiện đứng đầu thế giới về xuất khẩu rau khô và rau đông lạnh, nấm chế biến, tỏi và quả đóng hộp. Sản xuất thủy hải sản tăng gấp ba lần trong 10 năm, đạt 45 triệu tấn năm 2002, chiếm một phần ba sản lượng thế giới. Trung Quốc đứng thứ 8 trên thế giới về xuất khẩu nông sản và cung cấp 15% tất cả các nông sản nhập vào Nhật Bản.

Bảng 1. Xuất nhập khẩu nông sản sau khi gia nhập WTO (Tỷ NDT)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân XNK
1998	139	84	54
2000	157	112.5	44.4
2001	160.7	118.4	42.3
2002	181.5	124.5	57
2003	214.3	189.3	25
2004	233.9	280.3	-46.4
2005	275.8	287.1	- 11.4
2006	314	320.8	- 6.7

Nguồn: UBCC&PT Trung Quốc.

- *Gia tăng nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên, qua đó khai thác các nguồn lực nông nghiệp quốc tế, phân bổ hiệu quả nguồn lực trong nước, từ đó giúp cho*

điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi sản phẩm của các vùng duyên hải thiếu tài nguyên đất.

- Thúc đẩy Trung Quốc hợp tác toàn diện trên lĩnh vực khoa học nông nghiệp với các nước phát triển, đẩy mạnh thu hút kỹ thuật nông nghiệp mới, nâng cao hàm lượng kỹ thuật của nông sản và chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh.

- Gia nhập WTO có lợi cho cải cách thể chế lưu thông nông sản, xoá bỏ độc quyền quốc doanh. Việc Trung Quốc cam kết cho phép tư nhân tham gia vào lĩnh vực thương mại nông sản thúc đẩy nhanh thực hiện thương phẩm hóa nông sản trong nước, đa dạng hóa tổ chức kinh doanh, hình thành thị trường nông sản cạnh tranh trong nước.

- Nhập khẩu các hàng hóa chất lượng tốt của nước ngoài, kích thích giá thực phẩm hạ, người tiêu dùng được hưởng lợi.

Những vấn đề Trung Quốc đã gặp phải:

- Từ năm 2004, do tăng nhập khẩu các mặt hàng như lương thực, bông, dầu[1], Trung Quốc đã chuyển từ nước xuất siêu sang *nhập siêu* nông sản (mặc dù tổng cán cân thương mại Trung Quốc vẫn thặng dư). Dân số đông, quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, trình độ kỹ thuật yếu cùng với hạn chế về môi trường sản xuất, thuốc trừ sâu, điều kiện phòng dịch kém...nông nghiệp Trung Quốc đã phải chịu một số ảnh hưởng tiêu cực sau khi gia nhập WTO. Một số sản phẩm trước đây Trung Quốc xuất khẩu nay đã phải nhập khẩu nhiều, như bông, đậu tương, đậu ăn, lông cừu. Thị phần đậu tương trong nước hiện chỉ còn 16%, thị phần bông trong nước chỉ còn 13%. Năm 2001, thặng dư thương mại là 4,2 tỷ USD, 2003 thặng dư 2,5 tỷ USD, 2004 nhập siêu 4,6 tỷ USD, 2005 nhập siêu 1,2 tỷ USD, nửa năm đầu 2006 nhập siêu 2 tỷ USD. Sản xuất ngũ cốc giảm trong khi nhu cầu trong nước tăng nên Trung Quốc ngày càng nhập khẩu nhiều ngũ cốc. Năm 2003, Trung Quốc đã nhập hơn 21 triệu tấn hạt đậu nành, so với 4 triệu tấn năm 1998.

- *Xuất khẩu* nông sản gặp nhiều bất lợi do hàng rào thuế quan của các thành viên WTO cùng với các hình thức bảo hộ khác, hàng rào kỹ thuật. Bên cạnh đó, giá cả nhiều loại sản phẩm nông nghiệp Trung Quốc cao hơn so với giá thế giới do chi phí sản xuất cao, kết cấu hạ tầng kém. Kể từ đầu những năm 1990, giá cả hàng nông sản của Trung Quốc đã liên tục tăng với tốc độ hơn 10%/năm khiến cho giá cả của sản phẩm như tiểu mạch, ngô, đậu, bông ... đều cao hơn giá thị trường quốc tế từ 20-70%. Nhìn chung, chỉ có thịt lợn, táo và thuốc lá là tương đối có ưu thế, còn lại nhiều loại hàng hóa nông sản của Trung Quốc thiếu sức cạnh trên thị trường quốc tế. Xuất khẩu của doanh nghiệp Trung Quốc giảm, một nửa kim ngạch xuất khẩu nông sản là của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Thu nhập thực tế của một bộ phận nông dân có chiều hướng giảm. Thí dụ, năm 2004, lượng bông nhập khẩu tăng đã làm cho giá bông giảm mạnh, khiến thu nhập của người trồng bông mất 217 NDT/mẫu. Thu nhập nông nghiệp giảm đã dẫn đến thất thu thuế nông nghiệp. Ngoài ra, cơ hội việc làm ở nông thôn giảm, riêng ngành trồng trọt giảm hơn 4 triệu việc làm.

Các biện pháp điều chỉnh và cải cách nông nghiệp:

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực của việc gia nhập WTO tới nông nghiệp, Trung Quốc đã thúc đẩy việc tái cơ cấu và điều chỉnh chính sách nông nghiệp từ giai đoạn cuối của Kế hoạch 5 năm lần thứ IX với những nội dung cơ bản như:

- Tiến hành điều chỉnh *cơ cấu sản phẩm* nông nghiệp, chú trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao (tiểu mạch cứng, giống gạo chất lượng cao, rau sạch, hoa quả, vật nuôi ăn cỏ nhằm tiết kiệm lương thực, thủy sản chất lượng cao...). Đa dạng hóa nông sản và cải thiện chất lượng sản phẩm theo hướng tăng chế biến nông sản.

- Điều chỉnh *cơ cấu vùng miền*, khai thác lợi thế so sánh của địa phương trong nông nghiệp (vùng ven biển giảm sản xuất lương thực để phát triển các loại sản phẩm có khả năng xuất khẩu; miền Trung và miền Tây phát triển trồng trọt).

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến nông nghiệp, đảm bảo tính đồng bộ về pháp lý (quy định về kiểm dịch động thực vật, hàng rào kỹ thuật trong nông nghiệp, hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đối với nông sản, xây dựng các tổ chức tiền tệ ở nông thôn...); điều chỉnh các quy định về hỗ trợ nông nghiệp để phù hợp với các quy định của WTO.

- Đẩy mạnh hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp với phương châm “cho nhiều, lấy ít, nuôi sống”[2], thực hiện chính sách 4 miễn giảm cho nông dân (miễn thuế nông nghiệp, thuế chăn nuôi, thuế đặc sản nông lâm, thuế giết mổ), trợ cấp 4 hạng mục cho nông dân (trợ cấp lương thực[3], trợ cấp giống tốt[4], trợ cấp mua máy nông cụ lớn, trợ cấp nông nghiệp tổng hợp).

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật (Trung ương tăng chi dụng KHKT, sản nghiệp hóa nông nghiệp[5], hỗ trợ chuyển dịch lao động, đào tạo...), tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng (nâng cấp thủy lợi, cải tạo ruộng thấp trũng, xây dựng đường, điện, kho bãi, hạ tầng lưu thông...), thúc đẩy hình thành hệ thống thông tin thị trường, đổi mới nghiên cứu khoa học - công nghệ nông nghiệp và hệ thống khuyến nông.

- Thúc đẩy cải cách hệ thống lưu thông nông sản (cải cách thể chế về lưu thông, tìm tòi phương thức lưu thông mới, phát triển hiệp hội ngành nghề..., cải cách thể chế về ngoại thương đối với nông sản, mở rộng kênh xuất khẩu nông sản...).

- Đẩy mạnh chuyển dịch lao động dôi dư ở nông thôn (thúc đẩy đô thị hóa nông thôn, tăng cơ hội việc làm đặc biệt việc làm phi nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm của xí nghiệp hưng chấn, đẩy mạnh mậu dịch gia công bên ngoài, xuất khẩu lao động...).

Bài học rút ra cho Việt Nam:

- Một là, cần tăng cường hỗ trợ thông tin theo hướng cung cấp cập nhật, chính xác thông tin về thị trường nông sản cho nông dân, đánh giá đúng mức tác động của việc gia nhập WTO đối với sản xuất nông nghiệp nói chung và từng ngành nói riêng.

- Hai là, coi nông nghiệp là trọng tâm và tạo lập cơ sở pháp lý hỗ trợ nông nghiệp. Coi trọng hỗ trợ nông nghiệp theo phương châm "cho nhiều, lấy ít, nuôi sống" và phù hợp với quy tắc của WTO; hỗ trợ cho việc phát triển công nghiệp chế biến, tạo đầu ra ổn định hơn cho ngành trồng trọt và chăn nuôi;

- Ba là, hệ thống chính sách và quản lý liên quan tới nông nghiệp cũng cần có những thay đổi theo hướng thị trường, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xuất khẩu... đặc biệt ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế so sánh. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp và bảo đảm cho nông dân tiếp cận với đầu vào quan trọng như thủy lợi, điện, phân bón với chất lượng cao và giá thấp.

- Bốn là, coi trọng cả thị trường trong và ngoài nước. Mục tiêu phát triển nông nghiệp là đa dạng hóa, an ninh lương thực, tăng sức cạnh tranh... Nhấn mạnh đến ưu thế của từng vùng. Dựa vào khoa học kỹ thuật để trồng trọt nông nghiệp. Chú trọng hơn đến bảo vệ môi trường.

- Năm là, tăng cường năng lực của các hiệp hội ngành hàng. Đây là đơn vị tập hợp và tăng cường liên kết các doanh nghiệp kinh doanh nông sản nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế, tập trung sản xuất có quy mô nhỏ lẻ khác nhau thành quy mô lớn hơn, tăng khả năng cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam

2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ những năm 1978-1979 khi thực hiện cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã có chính sách thu hút vốn FDI. Đến 2006, Trung Quốc đã cấp giấy phép cho khoảng gần 500.000 doanh nghiệp. Vốn FDI thực tế sử dụng là 865 tỷ USD. Các doanh nghiệp FDI chiếm 20% tổng giá trị gia tăng công nghiệp toàn quốc, 58% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, 21% tổng số thu ngân sách từ thuế, tạo được 25 triệu việc làm.

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã rà soát 2.500 văn bản liên quan đến đầu tư nước ngoài. Thực hiện sửa đổi qui định một số luật liên quan như luật doanh nghiệp liên doanh, luật doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Sửa đổi các quy định về tỷ lệ nội địa hóa, cân đối ngoại tệ... Ban hành mới trên 40 văn bản điều chỉnh về ngành dịch vụ.

Trung Quốc cam kết mở cửa 104 phân ngành dịch vụ trong 155 phân ngành theo quy định WTO. Đến nay, về cơ bản Trung Quốc đã thực hiện theo các cam kết, đã có bước tiến lớn về mở cửa thị trường và cải thiện môi trường đầu tư. Quy trình, thủ tục xét duyệt các dự án đầu tư đã được nới lỏng, phân cấp cho chính quyền địa phương tỉnh, thành phố được phê duyệt dự án đến 100 triệu USD với các dự án khuyến khích đầu tư và 50 triệu USD với các dự án hạn chế đầu tư. Để giảm bớt thủ tục hành chính, Trung Quốc ban hành luật cấp phép hành chính, triển khai cấp phép điện tử qua mạng internet.

Các địa phương như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu đều cho biết đã tiến hành rà soát, cải cách lại các thủ tục cấp phép để đảm bảo sự phù hợp quy định WTO, tạo sự rõ ràng minh bạch và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Thí dụ ở Bắc Kinh đã tiến hành rà soát hơn 3000 qui định của Thành phố, đã bãi bỏ 26 qui định không phù hợp và có kế hoạch chỉnh sửa 40 qui định.

Trung Quốc đã cho phép các nhà đầu tư chiến lược tham gia trong lĩnh vực giáo dục, du lịch theo như cam kết gia nhập.

Thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đã chuyển từ số lượng sang chất lượng. Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 11 hiện nay, Trung Quốc đã có biện pháp huy động và nâng cao chất lượng sử dụng vốn ĐTNN, khuyến khích ĐTNN vào dịch vụ hiện đại, nghiên cứu công nghệ kỹ thuật cao, nghiên cứu phát triển các ngành tiết kiệm tài nguyên và năng lượng. Cải thiện cơ cấu ngành nghề liên quan đến FDI. Hạn chế đầu tư vào những lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng.

Việc thu hút đầu tư nước ngoài gắn với chiến lược phát triển vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Trung Quốc chủ trương thực hiện chiến dịch “miền Trung trỗi dậy”, “đại khai phá miền Tây”, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hài hòa giữa các vùng”. Vốn ĐTNN được khuyến khích chuyển hướng về miền Tây.

3. Mở cửa các ngành dịch vụ

Dịch vụ của Trung Quốc đã mở rộng đến quy mô chưa từng có. Khối lượng dịch vụ từ vị trí thứ 11 với trị giá 71,9 tỷ USD năm 2001 lên vị trí thứ 7 thế giới, với 166,5 tỷ USD năm 2005

Các lĩnh vực dịch vụ được cam kết với các mức độ mở cửa khác nhau, nhưng nhìn chung các cam kết của Trung Quốc về dịch vụ là tương đối chặt chẽ (so sánh với các cam kết mở cửa thị trường hàng hoá). Trong quá trình đàm phán, các nước EU, Mỹ cũng đã đưa ra các yêu cầu cao, nhưng Trung Quốc đã giữ được một số ngành không phải mở cửa hoàn toàn như viễn thông, tài chính.

Trung Quốc cam kết mở cửa 104 phân ngành dịch vụ trong tổng số 160 phân ngành. Lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc nhìn chung đều được cam kết cùng giai đoạn quá độ (khoảng 5 năm), với các bước mở dần được thực hiện theo địa bàn từ Đông sang Tây - từ thành phố đến thị trấn, nông thôn; mở dần về phạm vi dịch vụ, sản phẩm kinh doanh; và mở dần về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nước ngoài, từ đầu tư trực tiếp đến mua lại và sáp nhập.

Nhìn chung, Trung Quốc đã thực hiện đầy đủ các cam kết trong lĩnh vực dịch vụ, ngoại trừ một số chậm trễ nhỏ (trong quá trình phê duyệt ban hành văn bản). Ngoài ra, trong một số lĩnh vực Trung Quốc có thể đã thực hiện nhanh hơn cả mức cam kết, thí dụ trong lĩnh vực du lịch và vận tải, các công ty du lịch và đại lý vận chuyển hàng hóa đã cho phép nước ngoài nắm giữ 100% vốn trước 5 năm; hoặc đã tiến hành mở cửa cho một số lĩnh vực dịch vụ ở địa bàn phía Tây (kém phát triển) trước thời hạn (phù hợp với chính sách khuyến khích ĐTNN vào các khu vực này).

Một số vấn đề Trung quốc gặp phải trong việc mở cửa thị trường dịch vụ: *Một là*, có một số lo ngại nhất định do đặc điểm của ngành dịch vụ là có tính chất không biên giới, trong khi khả năng quản lý của Chính phủ chưa theo kịp với sự phát triển của các ngành dịch vụ này. Vì vậy, Trung quốc đã áp dụng các biện pháp ứng phó phù hợp với từng phương thức cung cấp dịch vụ. *Hai là*, vấn đề về sáp nhập và mua lại cũng được xem là một trong những vấn đề mà Trung Quốc lưu tâm, đặc biệt là vấn đề mua lại các doanh nghiệp nhà nước. Hiện ở Trung Quốc cũng đã có nhiều tranh luận với các quan điểm khác nhau giữa vấn đề đầu tư và mua lại, sáp nhập. *Ba là*, Trung quốc không coi các cam kết với WTO là mốc mở cửa cuối cùng. Trung Quốc chú trọng thu hút FDI đầu tư vào dịch vụ vì thiếu vốn, kỹ thuật, khả năng quản lý. Chính phủ coi cạnh tranh dịch vụ là chất xúc tác để phát triển. Mở cửa dịch vụ sẽ thúc đẩy phát triển nhanh các ngành nông nghiệp và chế tạo, sản xuất. *Bốn là*, một số ngành dịch vụ hiện đại như tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông... đang bị xem là phát triển chậm, không theo kịp tình hình chung. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP (40%) cũng đang được xem là thấp so với thế giới và các nước phát triển. *Năm là*, chuyển biến chức năng của Chính phủ thích ứng với quy luật thị trường diễn ra chậm chạp. Thiếu nhân lực có đào tạo, thiếu nhân tài trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những người hiểu biết “luật chơi” và quy tắc quốc tế.

Chính phủ Trung Quốc cũng đã nhấn mạnh một số biện pháp để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực dịch vụ, cụ thể:

Một là, Không ngừng tăng cường và hoàn thiện công tác lập pháp, thí dụ luật viễn thông, bưu chính chuyển phát nhanh, bán lẻ ô tô, quản lý bảo hiểm, ngân hàng v.v

Hai là, Trong thời gian từ 3-5 năm, nhanh chóng tăng cường các biện pháp quản lý, giám sát và biện pháp thận trọng, đặc biệt trong những lĩnh vực phức tạp như tài chính, ngân hàng. Đây là nhiệm vụ khó khăn vì cần có hệ thống luật pháp, nhân lực, chế độ quản lý giám sát phù hợp.

Ba là, Tăng cường phát triển các ngành dịch vụ trong nước, đây mới chính là mục tiêu cuối cùng của việc mở cửa. Chính phủ có hàng loạt các biện pháp chỉ đạo để doanh nghiệp trong nước phát triển, thích ứng với môi trường cạnh tranh mới. Thí dụ, Trung Quốc có 5 ngân hàng quốc doanh lớn đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực ngân hàng, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bốn là, Đầu tư cơ sở hạ tầng cả phần cứng và phần mềm (đường xá, cơ sở hạ tầng kinh tế, tài chính...).

4. Một số lĩnh vực dịch vụ nhạy cảm:

Ngân hàng:

Thời kỳ 5 năm sau khi gia nhập WTO là thời kỳ quá độ để *hệ thống ngân hàng* chuẩn bị nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngân hàng nước ngoài được tham gia dưới các hình thức văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng con 100% vốn nước ngoài. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng khuyến khích ngân hàng nước ngoài góp vốn vào ngân hàng trong nước để tận dụng việc chuyển giao kiến thức và công nghệ. Theo cam kết WTO, ban đầu Trung Quốc chỉ cho phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia kinh doanh đồng ngoại tệ, sau 2 năm cho phép kinh doanh bản tệ, không hạn chế loại doanh nghiệp. Từ tháng 12 năm 2006, Trung Quốc bắt đầu thực hiện đối xử quốc gia với tổ chức ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, để được đối xử quốc gia phải có sự thẩm định, xem xét của Ủy ban Giám sát ngân hàng và ngân hàng nước ngoài phải làm thủ tục thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài tại địa bàn. Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài vẫn chịu phân biệt đối xử (được kinh doanh nội tệ nhưng không được nhận tiền gửi dưới 1 triệu nhân dân tệ).

Đến tháng 12 năm 2006, tại Trung Quốc đã có 14 ngân hàng con 100% vốn nước ngoài và ngân hàng liên doanh, 200 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 242 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài.

Việc mở cửa hệ thống ngân hàng khi gia nhập WTO được phía Trung quốc đánh giá là khá suôn sẻ, không biến động lớn. Sau 5 năm gia nhập WTO, ngành ngân hàng Trung Quốc có bước phát triển tốt, cạnh tranh và hợp tác với các ngân hàng nước ngoài. Trung Quốc đánh giá đối thủ cạnh tranh thực sự của ngân hàng Trung quốc trong tương lai không phải là các ngân hàng nước ngoài mà là ngân hàng Trung quốc có vốn FDI.

Đặc biệt, Trung Quốc đã chủ động mở cửa hơn so với cam kết đối với việc cho phép mua cổ phần của các ngân hàng thương mại. Các ngân hàng của Trung Quốc đã thực hiện cổ phần hóa để thu hút các nhà đầu tư chiến lược. Về mức giới hạn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, Trung Quốc cho phép 1 nhà đầu tư cá nhân mua tối đa 20% cổ phần, mức tổng cộng dưới 25%. Tuy có hạn chế về vốn đầu tư nhưng các nhà đầu tư nước ngoài đóng vai trò lớn trong quản lý, hoạt động của ngân hàng Trung Quốc, tham gia vào hội đồng quản trị với tư cách thành viên điều hành và thành viên độc lập. Nhiều ngân hàng lớn của Trung Quốc có sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược. Tiêu chuẩn được đặt ra cho các nhà đầu tư chiến lược là phải đầu tư ít nhất 3-5 năm và phải cử người tham gia Hội đồng quản trị để tận dụng kỹ năng quản lý tiên tiến. Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần kiểm soát tuyệt đối với các ngân hàng lớn (tối thiểu 51%, hiện giờ là 70 – 75%). Tại ngân hàng vừa và nhỏ, tỷ lệ nắm giữ của Nhà nước ít hơn.

Hiện nay, cơ quan quản lý của Trung Quốc vẫn đang lo ngại rằng với thời hạn 3-5 năm này ngân hàng Trung Quốc có học được các kỹ năng quản lý của các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài hay không? Hiện giờ giá cổ phiếu của các ngân hàng rất cao, nếu sau thời hạn này nhà đầu tư chiến lược rút vốn thì ngân hàng Trung Quốc có thể bị thua lỗ. Cơ quan quản lý đang quan tâm, lo ngại việc mở cửa thì dễ, nhưng giữ được cục diện là rất khó. Đánh giá chung của bạn là sau 5 năm gia nhập WTO, ngành ngân hàng Trung Quốc phát triển tốt, cạnh tranh và hợp tác với các ngân hàng nước ngoài.

Một số bài học kinh nghiệm của Trung quốc về mở cửa hệ thống ngân hàng sau khi gia nhập WTO

- Mở cửa dần dần với lộ trình rõ ràng, có giai đoạn quá độ, không gây đột biến và xáo trộn mạnh trong hệ thống. Trung Quốc có chiến lược rõ ràng đối với sự tham gia của khối ngân hàng nước ngoài. Những đóng góp chính của nước ngoài trong khu vực ngân hàng được xác định là: góp phần thúc đẩy tăng trưởng đầu tư nước ngoài và ngoại thương; phát triển thị trường tài chính Trung Quốc theo chiều sâu và thúc đẩy quá trình cơ cấu lại, cải cách khu vực ngân hàng; phát triển sản phẩm và nghiệp vụ kinh doanh mới; hợp tác sâu rộng hơn giữa hệ thống ngân hàng Trung Quốc và nước ngoài; và góp phần nâng cao năng lực thanh tra giám sát ngân hàng.

- Có sự chuẩn bị kỹ lưỡng qua việc tiến hành cải cách, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng trước đó, đặc biệt là cải cách các ngân hàng thương mại quốc doanh. Sử dụng WTO làm động lực để thúc đẩy tiếp tục quá trình cải cách. 4 trong số 5 ngân hàng thương mại lớn của Trung Quốc đã được cổ phần hóa, trừ Ngân hàng Nông nghiệp.

- Vận dụng linh hoạt, triệt để các qui định về “biện pháp thận trọng” của WTO để vừa đảm bảo phù hợp cam kết, vừa tạo thời gian chuyển đổi cho hệ thống ngân hàng trong nước. Chẳng hạn, qui định tài sản có nội tệ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được nhỏ hơn tài sản nợ nội tệ để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, đặt ra yêu cầu vốn tối thiểu cao đối với ngân hàng nước ngoài khi thực hiện kinh doanh bằng nội tệ, yêu cầu ngân hàng con 100% vốn nước ngoài phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% tính theo hàng ngày, khi chi nhánh hoặc ngân hàng con nước ngoài chuyển nhượng tài sản trong lãnh thổ Trung Quốc phải được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền v.v.

- Áp dụng chính sách định hướng thành lập trong nước để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngân hàng có vốn nước ngoài. Trung Quốc khuyến khích ngân hàng nước ngoài tham gia dưới hình thức thành lập ngân hàng con hoặc chuyển đổi chi nhánh thành ngân hàng con (tuy nhiên

có giai đoạn quá độ là 5 năm và việc cấp phép cũng được xem xét chặt chẽ). Khuyến khích ngân hàng nước ngoài tham gia góp vốn với tư cách cổ đông chiến lược vào các ngân hàng trong nước để tận dụng các kỹ năng quản lý tiên tiến, đề ra tiêu chuẩn với các nhà đầu tư chiến lược (ví dụ phải đầu tư trong thời hạn 3 – 5 năm, phải cử người tham gia hội đồng quản trị ngân hàng ...). Đối với những khu vực khó khăn, điều kiện tham gia của ngân hàng nước ngoài được nới lỏng để thu hút vốn đầu tư.

Bảo hiểm:

Trong lĩnh vực dịch vụ bảo hiểm, vào thời điểm gia nhập, Trung quốc cho phép liên doanh 51% và chi nhánh trực tiếp, sau 2 năm sẽ cho phép doanh nghiệp 100% vốn ĐTNN với bảo hiểm phi nhân thọ. Bảo hiểm nhân thọ chỉ cho phép liên doanh đến 50%. Trong lĩnh vực môi giới bảo hiểm cho phép liên doanh đến 50%, sau 3 năm tăng lên 51% và sau 5 năm tăng lên 100%. Ngoài ra, Trung quốc cũng cam kết mở cửa dần theo phạm vi địa lý. Sau thời gian quá độ 3 năm sẽ bỏ các hạn chế về phạm vi địa lý. Về đối xử quốc gia, Trung quốc không cho phép công ty bảo hiểm có vốn ĐTNN được cung cấp dịch vụ bảo hiểm bắt buộc. Các hạn chế về tái bảo hiểm bắt buộc cũng sẽ chỉ được bỏ dần với lộ trình 5 năm sau khi gia nhập.

Hiện Trung Quốc có 25 Công ty Bảo hiểm nước ngoài và 22 Công ty Bảo hiểm trong nước. Thị phần bảo hiểm của khối FDI tăng khá nhanh từ 1% lên đến 9%. Tại một số thành phố lớn, thị phần của FDI có cao hơn như Thượng Hải 30%, Quảng Châu, Bắc Kinh 20%. Đánh giá chung là thị phần nước ngoài vẫn chưa có ảnh hưởng lớn.

Một số kinh nghiệm của Trung Quốc trong lĩnh vực bảo hiểm:

- Hiện cũng có những quan điểm khác nhau giữa các ngành về mức độ mở cửa trong lĩnh vực dịch vụ tài chính ở Trung quốc. Các chuyên gia thương mại thì cho rằng việc mở cửa trong các lĩnh vực dịch vụ hiện đại (trong đó có dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông) có thể là còn quá chậm, và đã bị tụt hậu, do đó không có tác động tích cực để hỗ trợ những ngành khác phát triển. Chính vì vậy, quan điểm theo hướng này cho rằng các cam kết với WTO sẽ không phải là mục tiêu cuối cùng đặt ra. Các lĩnh vực dịch vụ, trong đó có dịch vụ tài chính phải mở cửa và cải tiến hơn nữa. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý các ngành này (tài chính, ngân hàng, viễn thông) thường lo ngại về khả năng quản lý không theo kịp.

- Nhìn chung, Việt Nam đã có mức độ mở cửa lớn hơn Trung quốc, thể hiện qua các cam kết với WTO cũng như thị phần thực tế hiện nay. Ví dụ, trong lĩnh vực bảo hiểm, Việt Nam cam kết cho phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn ĐTNN ngay từ thời điểm gia nhập, với cả bảo hiểm nhân thọ lẫn phi nhân thọ và môi giới. Các hạn chế về đối xử quốc gia cũng được bãi bỏ từ thời điểm gia nhập, ngoại trừ hạn chế đối với bảo hiểm bắt buộc là sẽ được bỏ sau 1 năm. Các công ty bảo hiểm lớn của nước ngoài cũng đã có mặt tại Việt Nam (từ trước khi Việt Nam gia nhập WTO) và hiện giữ thị phần đáng kể. Chỉ tính riêng Prudential đã đạt mức xấp xỉ 42% thị phần bảo hiểm nhân thọ năm 2005.

Đối với vấn đề về quản lý giám sát, Việt Nam cũng có những nhu cầu giống với Trung quốc. Cần phải xây dựng các quy định quản lý trong nước về an toàn thận trọng và đào tạo nguồn lực cho bộ máy quản lý Nhà nước đối với các ngành dịch vụ nói chung và đối với ngành bảo hiểm nói riêng. Trong trường hợp của Việt Nam, nhu cầu này sẽ còn cấp thiết hơn, do các cam kết của Việt Nam có mức độ mở cửa cao hơn so với Trung quốc.

[1] Năm 2004, Trung Quốc nhập khẩu 7,23 triệu tấn tiểu mạch, 1,9 triệu tấn bông, 1,2 triệu tấn đường, 6,75 triệu tấn dầu ăn.

[2] Chuyên chi cho nông nghiệp 103 tỷ NDT, trong đó Trung ương chi 80% (78,2 tỷ NDT), giảm đóng góp của nhân dân 140 tỷ NDT.

[3] Khoảng 30 tỷ NDT cho 728 triệu người.

[4] Năm 2002 trợ cấp giống đậu, năm 2004 , giống lúa, tiểu mạch và ngô.

[5] - Sản nghiệp hóa ngành nghề kinh doanh: Trung Quốc thực hiện kế hoạch phát triển trồng trọt trên qui mô lớn nhằm nâng cao khả năng sản xuất nông nghiệp. Tổ chức lại hoạt động nông nghiệp để tránh manh mún, nhỏ lẻ. Kích thích sự phát triển các tổ chức hợp tác chuyên môn của nông dân; xây dựng sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp đầu đàn và nông dân. Bộ Nông nghiệp đã lựa chọn 500 doanh nghiệp kinh doanh chế biến nông sản mạnh nhất làm doanh nghiệp đầu đàn. Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất và hệ thống kiểm tra được thiết lập để đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm. Trung Quốc tăng nhập khẩu lúa mì, ngũ cốc, cây lấy dầu, cây chế biến đường, đậu nành, bông... (những mặt hàng đòi hỏi để có năng suất cao cần phải có diện tích lớn và cơ giới hóa). Ngược lại, Trung Quốc tăng cường xuất khẩu rau quả, hoa màu và các sản phẩm rau quả có tỉ trọng lao động cao và cần ít đất đai hơn. Kế hoạch phát triển nông nghiệp chăn nuôi được tiến hành cùng với kế hoạch phát triển trồng trọt và những nỗ lực này sẽ phát triển ngành này ở trên diện rộng nhất có thể. Trung Quốc cũng tập trung vào kinh tế vườn, nuôi trồng thủy sản, đậu nành, chăn nuôi bò sữa, lương thực và các nguồn thực phẩm khác.